

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH
CÔNG TY CỔ PHẦN

-----☞*☞-----

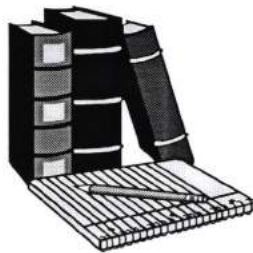


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----☞*☞-----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2019

-----☞*☞-----



Nơi nhận:

Bình Định, ngày 24 tháng 07 năm 2019

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019	2 - 3
3. Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp từ ngày 01/01/2019 -> 30/06/2019	4
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp từ ngày 01/01/2019 -> 30/06/2019	5 - 6
5. Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp từ ngày 01/01/2019 -> 30/06/2019	7 - 28

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Mẫu B01 - DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		122.310.382.895	188.408.382.179
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.782.373.322	18.977.912.409
1. Tiền	111		3.782.373.322	18.977.912.409
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	-
III. Các khoản phải thu	130		98.987.068.033	128.525.046.881
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	24.981.106.575	50.083.314.712
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	61.596.139.360	62.093.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		12.380.000.000	12.380.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	2.328.779.946	5.761.674.356
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6a	(2.298.957.848)	(1.792.942.187)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	19.225.696.362	38.897.960.822
1. Hàng tồn kho	141		19.225.696.362	38.897.960.822
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		315.245.178	2.007.462.067
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	229.854.263	155.218.397
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		85.390.915	1.852.243.670
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	-
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		304.631.382.543	300.740.776.907
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	-	-
II. Tài sản cố định	220		66.680.618.008	66.762.230.584
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	54.986.906.504	54.907.448.936
Nguyên giá	222		104.638.529.339	102.062.034.884
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.651.622.835)	(47.154.585.948)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	11.693.711.504	11.854.781.648
Nguyên giá	228		13.661.264.000	13.661.264.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.967.552.496)	(1.806.482.352)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	40.580.480.899	40.928.847.069
Nguyên giá	231		49.918.690.032	49.918.690.032
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.338.209.133)	(8.989.842.963)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	7.181.914.501	6.959.835.894
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		6.273.356.443	5.206.159.885
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		908.558.058	1.753.676.009
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	182.071.304.116	177.804.402.625
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	38.196.355.290	33.196.355.290
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	138.040.333.312	138.040.333.312
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	7.451.619.996	7.451.619.996
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.617.004.482)	(883.905.973)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.117.065.019	8.285.460.735
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	5.746.878.406	5.915.274.122
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.370.186.613	2.370.186.613
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		426.941.765.438	489.149.159.086

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		133.598.242.462	178.463.894.818
I. Nợ ngắn hạn	310		66.141.444.748	117.470.672.148
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	11.720.162.454	14.663.234.359
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15a	423.468.597	6.627.689.603
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	146.803.976	1.246.845.965
4. Phải trả người lao động	314		1.252.452.529	4.003.125.632
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1.518.831.419	587.126.555
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19a	1.689.836.597	2.771.269.807
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	6.932.963.419	2.026.379.408
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	40.289.643.071	83.451.000.345
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	2.167.282.686	2.094.000.474
II. Nợ dài hạn	330		67.456.797.714	60.993.222.670
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19b	67.456.797.714	60.993.222.670
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	-	-
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		293.343.522.976	310.685.264.268
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	293.343.522.976	310.685.264.268
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.397.496.193	11.397.496.193
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.946.026.783	24.287.768.075
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		42.245.928	(9.441.436.129)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.903.780.855	33.729.204.204
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		426.941.765.438	489.149.159.086

Bình Định, ngày 24 tháng 07 năm 2019



Nguyễn Ngọc Minh
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đồng Thị Ánh
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2019 -> 30/06/2019

Mẫu B02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 2		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			(01/04/2019 -> 30/06/2019)	(01/04/2018 -> 30/06/2018)	(01/01/2019 -> 30/06/2019)	(01/01/2018 -> 30/06/2018)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	94.088.680.728	121.618.661.746	230.498.507.684	228.262.102.403
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10	VI.1	94.088.680.728	121.618.661.746	230.498.507.684	228.262.102.403
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	86.450.547.906	109.251.353.073	209.274.560.624	198.057.477.847
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	20		7.638.132.822	12.367.308.673	21.223.947.060	30.204.624.556
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.005.754.112	3.918.246.190	5.277.345.144	8.720.883.934
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.711.108.033	1.044.637.224	2.931.041.577	1.756.001.551
Trong đó: chi phí lãi vay	23		810.149.777	520.857.308	1.927.033.687	1.104.323.120
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	2.502.280.018	4.249.866.554	8.844.307.254	12.586.150.288
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	3.947.970.339	7.305.767.405	7.276.264.656	11.711.613.795
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.482.528.544	3.685.283.680	7.449.678.717	12.871.742.856
11. Thu nhập khác	31	VI.7	31.333.942	185.587.410	31.333.942	427.426.555
12. Chi phí khác	32	VI.8	19.418	4.868.786	19.418	4.877.486
13. Lợi nhuận khác	40		31.314.524	180.718.624	31.314.524	422.549.069
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.513.843.068	3.866.002.304	7.480.993.241	13.294.291.925
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	82.524.475	225.189.515	577.212.386	1.269.649.499
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.431.318.593	3.640.812.789	6.903.780.855	12.024.642.426
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		x	x	x	x
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		x	x	x	x

Bình Định, ngày 24 tháng 07 năm 2019



Nguyễn Ngọc Minh
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh
Tổng giám đốc

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**Mẫu B03 - DN**

Theo phương pháp gián tiếp

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Từ ngày 01/01/2019 -> 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay (01/01/2019 -> 30/06/2019)	Năm trước (01/01/2018 -> 30/06/2018)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.480.993.241	13.294.291.925
2. Điều chỉnh cho các khoản:			1.635.113.871	(2.948.167.351)
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	VII.1	3.006.473.201	3.233.690.193
- Các khoản dự phòng	03	VII.2	1.239.114.170	1.242.842.531
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		101.726.168	(172.754.270)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VII.3	(4.639.233.355)	(8.356.268.925)
- Chi phí lãi vay	06		1.927.033.687	1.104.323.120
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.116.107.112	10.346.124.574
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		27.493.119.327	32.995.361.806
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		18.605.067.902	38.811.510.446
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(558.400.425)	4.835.375.410
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		93.759.850	(1.140.460.410)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.971.331.064)	(1.135.296.982)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.734.283.878)	(2.184.308.996)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.090.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.349.329.935)	(469.965.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		49.696.798.889	82.058.340.848
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.749.184.504)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	318.181.818

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

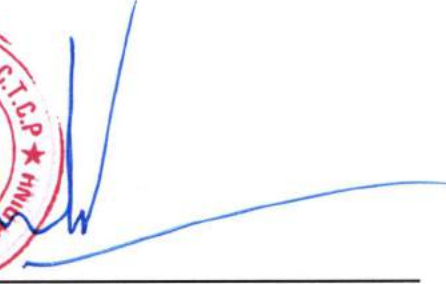
Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay (01/01/2019 -> 30/06/2019)	Năm trước (01/01/2018 -> 30/06/2018)
3. Tiền cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(9.980.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	850.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.000.000.000)	(1.420.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		7.940.689.355	7.576.894.478
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.191.504.851	(2.654.923.704)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.4	78.905.611.049	153.479.424.092
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.5	(122.164.590.774)	(206.053.585.977)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.825.000.000)	(22.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(66.083.979.725)	(74.574.161.885)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(15.195.675.985)	4.829.255.259
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		18.977.912.409	3.091.530.684
Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		136.898	6.349.918
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		3.782.373.322	7.927.135.861

Bình Định, ngày 24 tháng 07 năm 2019


Nguyễn Ngọc Minh
Lập biểu

Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng

 Đồng Thị Ánh
 Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mẫu B09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2019 -> 30/06/2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức vốn chủ sở hữu: Công ty cổ phần

Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần (viết tắt là PISICO) tiền thân là Tổng công ty Sản Xuất Đầu Tư Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Bình Định là Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258987 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Bình Định cấp lần đầu ngày 01/9/2010.

Ngày 17/10/2013, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3065/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyên Tổng công ty Sản Xuất Đầu tư Dịch Vụ XNK Bình Định thành Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần.

Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 27/01/2014 theo và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Bình Định cấp đăng ký thay đổi lần 7 vào ngày 03/11/2017.

Trụ sở chính của PISICO đặt tại 99 Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

2. Lĩnh vực kinh doanh: Công nghiệp chế biến, thương mại, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh của PISICO theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

Trồng và khai thác rừng; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Khai thác, chế biến và mua bán hàng nông, lâm, thủy sản; Sản xuất và mua bán hàng công nghiệp thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, may mặc, giày da; Thăm dò, khai thác, chế biến mua bán tài nguyên khoáng sản các loại; Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên phụ liệu cho ngành nông, lâm, thủy sản và vật liệu xây dựng; Mua bán máy móc, phương tiện vận tải, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xăng dầu; Kinh doanh truyền hình cáp và vật tư, thiết bị viễn thông; Kinh doanh dịch vụ cảng biển; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ ăn uống; Dịch vụ cho thuê kho, bãi, giao nhận và bảo quản hàng hóa; Sản xuất các loại bao bì, sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo; Đầu tư hạ tầng; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng và kinh doanh bất động sản; Đầu tư tài chính vào các DN,....

4. Chu kỳ kinh doanh thông thường:

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

a. Danh sách các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Công ty CP DV PT Hạ tầng P.B.C	Phường Nhơn Bình, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	15.000.000.000	70,83%	70,83%
Cty TNHH MTV truyền hình Cáp Quy Nhơn	198 Trần Hưng Đạo, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	10.000.000.000	100%	100%
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Đường số 10, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	24.500.000.000	51%	51%
Công ty TNHH MTV HR PISICO	99 Tây Sơn, TP.Quy nhơn	5.000.000.000	100%	100%

b. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu và Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	99 Tây Sơn, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	180.000.000.000	50,00%
Công ty CP chế biến gỗ PISICO Đồng An	Lô C, KCN Đồng An, Huyện Thuận An, Bình Dương	17.600.000.000	31,28%
Công ty CP chế biến gỗ Nội Thất PISICO	Lô C6-C7, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	15.000.000.000	40,01%
Công ty CP PISICO Hà Thanh	Cụm Công nghiệp Canh Vinh, Vân Canh, Bình Định	16.500.000.000	44,97%
Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO	Thôn Quy hội, Xã Phước An, Huyện Tuy Phước, Bình Định	20.000.000.000	35,00%

c. Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

► Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu Pisico - Chi nhánh Pisico

Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

► Xí nghiệp Lâm nghiệp Pisico - Chi nhánh Pisico

Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

► Xí nghiệp kinh doanh và Phát triển hạ tầng Pisico - Chi nhánh Pisico

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của PISICO bắt đầu từ ngày 01/01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

PISICO áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của PISICO được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam (Trường hợp đồng tiền ghi sổ kế toán khác với Đồng Việt Nam)

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi NH và tiền đang chuyển, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm mà PISICO có quyền sở hữu: đối với chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0); đối với chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các khoản chi phí liên quan trực tiếp.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Được ghi sổ kế toán theo giá gốc

Dự phòng được trích lập theo quy định của pháp luật trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi và ghi nhận số tổn thất.

Các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ.

c) Các khoản cho vay

d) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu: các khoản phải thu bao gồm

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phải thu nội bộ bao gồm các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải thu khác gồm các các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng, theo loại nguyên tệ và theo dõi chi tiết về kỳ hạn nợ nhằm phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn khi lập báo cáo tài chính.

Các khoản phải thu được phân loại là các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc.

Giá gốc của hàng tồn kho là nguyên vật liệu, CCDC và hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho là thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên liệu và chi phí sản xuất chung.

Hàng tồn kho được đánh giá thực tế trên cơ sở kiểm kê số lượng, chất lượng thực tế, mặt bằng giá thị trường hiện thời và giá trị hình thành của tài sản.

Hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm phát sinh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

a. Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định và bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và TT 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của TT 45/2013/TT-BTC

b. Nguyên tắc kế toán TSCĐ thuê tài chính

c. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐS đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản của Tổng Công ty là các công trình hạ tầng khu công nghiệp. Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 15 đến 20 năm.

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

10. Nguyên tắc kế toán Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả:

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng, theo loại nguyên tệ và theo dõi chi tiết về kỳ hạn nợ nhằm phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn khi lập báo cáo tài chính.

Các khoản phải trả được phân loại là các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ.

Dự phòng các khoản phải trả được lập đảm bảo phù hợp với các quy định của Nhà nước

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Khi bán hàng hóa, TP doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

23. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

26. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

V. THÔNG TIN CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
Tiền mặt	2.337.950.619	506.027.399
Tiền gửi ngân hàng	1.444.422.703	18.471.885.010
Cộng	3.782.373.322	18.977.912.409

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**2. Các khoản đầu tư tài chính****c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tại ngày 30/06/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Cổ phiếu	Giá trị	Cổ phiếu	Giá trị
c.1 Đầu tư vào Công ty con	-	38.196.355.290	-	33.196.355.290
- Công ty CP DV PT Hạ tầng P.B.C	106.250	13.625.000.000	106.250	13.625.000.000
- Cty TNHH MTV truyền hình Cấp Quy Nhơn	-	5.469.524.664	-	5.469.524.664
- Cty Nguyên liệu giấy QN	-	14.101.830.626	-	14.101.830.626
- Cty TNHH MTV HR PISICO		5.000.000.000		
c.2 Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	-	138.040.333.312	-	138.040.333.312
- Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	9.000.000	110.011.633.155	9.000.000	110.011.633.155
- Công ty CP chế biến gỗ PISICO Đồng An	550.528	5.812.449.600	550.528	5.812.449.600
- Công ty CP chế biến gỗ Nội thất PISICO	600.200	7.796.250.557	600.200	7.796.250.557
- Công ty CP PISICO - Hà Thanh	742.000	7.420.000.000	742.000	7.420.000.000
- Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO		7.000.000.000		7.000.000.000
c.3 Đầu tư dài hạn khác	-	7.451.619.996	-	7.451.619.996
- Cổ phiếu VICOSIMEX	3.000	35.000.000	3.000	35.000.000
- Công ty CP CB tinh bột sắn Bình Định	355.810	3.639.669.130	355.810	3.639.669.130
- Cty CP CB LS PISICO Quảng Nam	22.750	3.776.950.866	22.750	3.776.950.866
Cộng	-	183.688.308.598	-	178.688.308.598

c.4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
Dự phòng đầu tư vào các Công ty liên doanh, liên kết	733.098.509	-
- Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO	733.098.509	-
Dự phòng đầu tư vào các khoản đầu tư dài hạn khác	883.905.973	883.905.973
- Công ty CP chế biến tinh bột sắn XK Bình Định	883.905.973	883.905.973
Cộng	1.617.004.482	883.905.973



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	24.981.106.575	50.083.314.712
Văn phòng Tổng Công ty	5.431.563.763	561.718.389
Cty CP CB Gỗ Nội thất PISICO	1.266.477.737	-
Công ty TNHH TM Ánh Việt	17.171.394	23.878.196
Công ty TNHH TM Ánh Vy	17.171.394	23.878.196
Công ty TNHH trồng rừng Quy Nhơn	3.350.250.939	-
Công ty TNHH TM DV Vân Nguyễn	486.167.282	486.167.282
Công ty CP VLXD Mỹ Quang	34.097.214	27.794.715
KH International Woodchip	260.227.803	
Xí nghiệp chế biến lâm sản xuất khẩu PISICO	7.295.733.980	45.094.784.581
Khách hàng DEHNER		909.991.500
Công ty TNHH TM Ánh Vy	1.452.090.750	838.711.500
Cty TNHH SX TM Lê Dung	97.717.161	197.717.161
Khách hàng A-MIR (Garden Team)		688.540.322
Khách hàng ASINDO		1.122.415.470
Cty CP HD Rurniture Group		118.212.050
Khách hàng Globus (nordio)		1.365.870.845
CN CTY CP Phú tài tại TP.HCM	27.529.380	
Khách hàng ADEO	5.718.396.689	39.853.325.733
Xí nghiệp Lâm nghiệp PISICO	1.829.582.800	-
Công ty TNHH SX dăm gỗ Bình Định	1.829.582.800	-
Xí nghiệp kinh doanh & Phát triển Hạ tầng PISICO	10.424.226.032	4.426.811.742
Công ty CP ĐT Quốc tế & XNK DHT	1.130.849.320	998.355.952
Công ty CP gỗ Đại Phúc	1.573.597.903	1.255.429.790
Công ty TNHH Thành Luân	266.128.489	250.456.687
Công ty TNHH Hoàng Gia	249.861.676	227.151.025
Công ty TNHH Vạn Đại	1.598.916.764	1.286.870.841
Công ty bao bì Hòa Phát	411.622.250	405.228.500
Công ty TNHH XD & MT Long Phước		3.318.947
Công ty CP PISICO Hà Thanh	359.075.898	
Công ty CP Phú tài (XN Thắng lợi)	4.738.501.614	
Công ty CP Phú tài (Nhà máy CB Đá 380)	19.501.883	
Công ty CP Phú tài 3	33.342.825	
Công ty CP Phú tài 4	27.240.398	
Công ty CP khoáng sản Bình Định	15.587.012	
Cộng	24.981.106.575	50.083.314.712



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán**

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	61.596.139.360	62.093.000.000
Văn phòng Tổng Công ty	61.546.139.360	61.100.000.000
Cty TNHH Nguyên liệu giấy QN	-	1.000.000.000
Hội đồng Doanh nhân nữ VN	128.000.000	
Cty TNHH Trồng rừng QN	1.368.139.360	
Công ty TNHH TM Ánh Việt	17.000.000.000	17.000.000.000
Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm	43.000.000.000	43.000.000.000
Cty TNHH MTV Toyota Bình Định	-	50.000.000
Công ty CP chứng khoán NH Công thương VN	50.000.000	50.000.000
Xí nghiệp chế biến lâm sản xuất khẩu PISICO	-	308.000.000
Cty TNHH Cơ khí Lam Sơn	-	308.000.000
Xí nghiệp Lâm nghiệp PISICO	50.000.000	685.000.000
Cty TNHH Vũ Hà	-	25.000.000
Cty TNHH ĐT & XD Lê Gia	50.000.000	-
Cty TNHH MTV Hậu Minh	-	660.000.000
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	61.596.139.360	62.093.000.000

5. Phải thu khác

	30/06/2019	01/01/2019
a. Phải thu khác ngắn hạn	2.328.779.946	5.761.674.356
Văn phòng Tổng Công ty	2.178.492.298	5.686.522.386
Công ty CP chế biến Tinh bột sản Bình Định	1.033.203.572	1.033.203.572
BHXH + BHYT + BHTN (10,5%)	15.201.726	14.275.814
Cổ tức đầu tư ngoài doanh nghiệp	1.125.000.000	4.426.456.000
Tạm ứng CBCNV của Văn phòng Tổng Công ty	5.087.000	212.587.000
Xí nghiệp chế biến lâm sản xuất khẩu PISICO	115.874.710	67.416.856
BHXH + BHYT + BHTN (10,5%)	110.874.710	67.416.856
Tạm ứng CBCNV của XN CB LS XK PISICO	5.000.000	-
Xí nghiệp Lâm nghiệp PISICO	23.778.000	-
Tạm ứng CBCNV của XN LN PISICO	23.778.000	-
Xí nghiệp kinh doanh & Phát triển Hạ tầng PISICO	10.634.938	7.735.114
BHXH + BHYT + BHTN (10,5%)	2.634.938	2.735.114
Tạm ứng CBCNV của XN KD & PT HT	8.000.000	5.000.000
b. Phải thu khác dài hạn	-	-
Cộng	2.328.779.946	5.761.674.356



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu khó đòi**

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	2.298.957.848	1.792.942.187

*** Chi tiết:**

Tại ngày 30/06/2019			Tại ngày 01/01/2019		
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
486.167.282	-	Trên 3 năm	486.167.282	-	Trên 3 năm
673.343.310	202.002.993	Từ 2-3 năm	55.598.026	16.679.408	Từ 2-3 năm
2.098.438.575	1.049.219.286	Từ 1-2 năm	1.965.005.639	982.502.818	Từ 1-2 năm
974.103.198	681.872.238	Từ 6 tháng - 1 năm	951.178.220	665.824.754	Từ 6 tháng - 1 năm
4.232.052.365	1.933.094.517		3.457.949.167	1.665.006.980	

7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
Nguyên liệu, vật liệu	14.328.955.091	16.458.025.184
Công cụ, dụng cụ	106.731.846	58.817.131
Sản phẩm dở dang	3.784.609.321	19.217.880.842
Thành phẩm	359.790.582	2.517.628.143
Hàng hóa	645.609.522	645.609.522
Cộng	19.225.696.362	38.897.960.822

8. Tài sản dở dang dài hạn

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	6.273.356.443	5.206.159.885
- CP Trồng rừng Rừng kinh tế	6.273.356.443	5.206.159.885
b. Xây dựng cơ bản dở dang	908.558.058	1.753.676.009
Mua sắm tài sản cố định (XNCB)	-	1.122.549.000
XDCB TSCĐ dở dang	908.558.058	631.127.009
- Chi phí sửa chữa văn phòng	146.771.049	-
- XDCB Cụm công nghiệp Canh Vinh	761.787.009	631.127.009
Cộng	7.181.914.501	6.959.835.894



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
a Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2019	63.418.895.741	26.800.854.434	10.143.768.899	810.556.469	887.959.341	102.062.034.884
Đầu tư mới	1.472.549.000	-	1.103.945.455	-	-	2.576.494.455
Tại ngày 30/06/2019	64.891.444.741	26.800.854.434	11.247.714.354	810.556.469	887.959.341	104.638.529.339
b Giá trị hao mòn						
Tại ngày 01/01/2019	22.644.615.374	17.306.734.543	5.814.170.020	666.789.166	722.276.845	47.154.585.948
Trích khấu hao	1.422.857.676	613.639.933	388.102.614	45.472.062	26.964.602	2.497.036.887
Tại ngày 30/06/2019	24.067.473.050	17.920.374.476	6.202.272.634	712.261.228	749.241.447	49.651.622.835
c Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2019	40.774.280.367	9.494.119.891	4.329.598.879	143.767.303	165.682.496	54.907.448.936
Tại ngày 30/06/2019	40.823.971.691	8.880.479.958	5.045.441.720	98.295.241	138.717.894	54.986.906.504

10. Tài sản cố định vô hình (Quyền sử dụng đất)

	QSD đất VP TCTy	Quyền sử dụng đất CN HCM	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
a Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2019	13.607.264.000	-	54.000.000	13.661.264.000
Tại ngày 30/06/2019	13.607.264.000	-	54.000.000	13.661.264.000
b Hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2019	1.779.482.352	-	27.000.000	1.806.482.352
Trích khấu hao	154.320.144	-	6.750.000	161.070.144
Tại ngày 30/06/2019	1.933.802.496	-	33.750.000	1.967.552.496
c Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2019	11.827.781.648	-	27.000.000	11.854.781.648
Tại ngày 30/06/2019	11.673.461.504	-	20.250.000	11.693.711.504

11. Bất động sản đầu tư

	Cụm công nghiệp Cát Nhơn + C.Vinh
a Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2019	49.918.690.032
Đầu tư mới	-
Tại ngày 30/06/2019	49.918.690.032
b Hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2019	8.989.842.963
Trích khấu hao	348.366.170
Tại ngày 30/06/2019	9.338.209.133



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Cụm công nghiệp Cát
Nhơn + C.Vinh****c Giá trị còn lại**

Tại ngày 01/01/2019	40.928.847.069
Tại ngày 30/06/2019	40.580.480.899

12. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
Chi phí trả trước ngắn hạn	229.854.263	155.218.397
Chi phí trả trước dài hạn	5.746.878.406	5.915.274.122
Cộng	5.976.732.669	6.070.492.519

13. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 01/01/2019	Tiền vay nhận được trong kỳ	Tiền vay đã trả trong kỳ	CLTG cuối kỳ	Tại ngày 30/06/2019
a. Vay ngắn hạn	83.451.000.345	78.905.611.049	122.164.590.774	97.622.451	40.289.643.071
VCB Quy Nhơn	83.451.000.345	78.905.611.049	122.164.590.774	97.622.451	40.289.643.071
Vay VND	44.644.007.480	56.014.443.614	83.353.147.023	-	17.305.304.071
Vay USD	38.806.992.865	22.891.167.435	38.811.443.751	97.622.451	22.984.339.000
b. Vay dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng cộng (a) + (b)	83.451.000.345	78.905.611.049	122.164.590.774	97.622.451	40.289.643.071

14. Phải trả người bán

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
a. Phải trả người bán ngắn hạn	11.720.162.454	14.663.234.359
Công ty TNHH DV TM Tâm Như	20.214.205	
Cty TNHH Tổng Hợp Quốc Khải	299.561.680	
Công ty TNHH TM TH Khải Hoàn	82.027.925	
Công ty TNHH Trang Thịnh Phát	195.827.940	
Công ty TNHH MTV Hậu Minh	14.506.800	
DNTN Cảnh Toàn	668.308.790	
Cty TNHH DV Danh Thắng	477.088.030	
Cty TNHH SX TM DV Đức Thịnh	795.546.245	
DNTN TM Hoàng Việt	470.239.880	
Cty TNHH MTV Huỳnh Hồng Nga	304.935.285	
Cty TNHH Kính Vĩnh Khang	95.317.035	
DNTN Lê Huy hiền	581.743.025	
DNTN Dệt May TM Vạn Phát	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty cổ phần phần mềm thông tin kinh doanh	9.000.000	9.000.000



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
Công ty TNHH Thảo Truyền	151.900.000	151.900.000
Cty TNHH ĐT Và XD Lê Gia	275.743.975	
CTy TNHH Trồng Rừng Phú hòa	340.718.450	
Cty TNHH SX TM TH Thanh An	570.029.455	
DNTN Thiện Phú	385.241.165	
Cty TNHH SXTM LN Hưng Thịnh	61.261.200	
Công ty TNHH Đức Thành	17.844.058	1.435.695.350
Công ty TNHH Lê Gia	4.550.984	662.102.754
Công ty TNHH Hoàng Trang	79.832.500	1.630.858.680
Khách hàng Lê Hữu Tài	3.798.728	7.860.696
Công ty TNHH Hóa Keo Bình Thạnh		166.761.265
Công ty CP XL Điện Tuy phước	5.790.290	
Công ty TNHH SX TM Bảo Bảo		41.692.816
Cửa hàng Hoàng Yên	1.500.000	108.088.800
Công ty TNHH Phú Gia Lâm	212.845.930	
Khách hàng Nguyễn Việt Hưng		64.340.100
DNTN Quang huy		67.639.000
Cửa hàng TCT	57.880.200	138.360.600
Khách hàng Nguyễn Hạnh Cúc	87.107.500	131.715.000
Khách hàng Kim Tuyền	792.000	76.748.680
Công ty CP Cấp thoát nước Bình Định	15.977.649	
Công ty Điện lực Phú tài	10.140.229	
Công ty TNHH DV TM Tân Phát	28.674.800	202.523.200
Công ty TNHH kỹ nghệ Eco	308.673.800	521.313.920
Cty TNHH SX BB và in ấn Trương Gia	55.846.230	718.685.748
Công ty CP Tân Tiến		661.957.843
Công ty TNHH SX TM Xuyên Việt	13.675.200	154.827.200
Công ty TNHH Tân Bình	765.600	338.837.456
Công ty CP SX TM Vĩnh Phúc	10.164.000	633.446.000
Cty TNHH XNK Châu Lục	10.940.454	
Công ty TNHH SX TB Cơ khí Lam sơn	19.250.000	
Công ty TNHH Xuân Huy Phát	28.173.735	220.444.360
Cty TNHH SX TM Sao Vàng		32.255.960
XN Lắp máy và XD Quang Trung	44.880.400	44.880.400
Công ty TNHH SX TM DV Q&B	74.250.000	44.550.000
Công ty TNHH TM và MT Hậu sanh		10.000.000
Công ty TNHH MTV CK Thế Bằng	6.379.553	781.883.553
Cty CP XNK & TM DV Bông Súng		245.271.400



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
CN Cty CP G.Định Đại Việt tại Đ.Năng		21.450.000
Khách hàng Phúc Thành		2.160.000
Cty TNHH CB Nước mắm Mười Thu		159.166.082
Cty TNHH Việt Nam BLS		12.217.432
Công ty TNHH SX TM DV Tân Thành Long	2.217.600	5.790.400
Cửa hàng dầu nhớt Út Mỹ		3.000.000
Công ty TNHH Thành phát VINA		27.244.800
Cty TNHH Nguyên liệu giấy QN		28.556.000
Công ty CP XL Điện Tuy Phước		67.722.944
Công ty TNHH SX TM Trường Phước	21.895.000	21.895.000
Cty CP Trường Hải		550.699.030
CTy CP Petec Bình Định	5.234.940	7.358.400
CTy TNHH TM Vận tải Thành Xuân	30.459.000	
Cty TNHH Gỗ Thành Phúc	2.343.868.225	3.315.037.990
Cty TNHH TM DV T.U.T		26.108.500
Vinatrans Quy Nhơn		12.012.000
Cty TNHH MTV vận tải & TM Toàn Tâm	77.280.231	11.290.000
DNTN Lê Huy Huyền	-	87.885.000
Cty TNHH MTV Hậu Minh	1.252.097.400	
DNTN TM Bình An	17.930.400	
Các Khách hàng khác	36.850.000	-
TT Nước sạch & Vệ sinh MT	33.384.733	-
Cộng	11.720.162.454	14.663.234.359
15. Người mua trả trước tiền hàng		
	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
a. Người mua trả trước tiền hàng ngắn hạn	423.468.597	6.627.689.603
Công ty TNHH trồng rừng Quy Nhơn	-	4.757.763.704
Khách hàng HARTMAN	5.646.904	403.713.753
Khách hàng SMT J/S	6.868.170	6.868.170
Khách hàng FREE STYLE	10.765.826	10.765.826
Khách hàng CCST LTD	23.687.697	1.157.663.530
CN Cty CP Phú Tài tại TP.HCM		41.771.620
Công ty TNHH trồng rừng Quy Nhơn	302.500.000	171.081.000
Khách hàng bán lẻ	22.500.000	-
Công ty TNHH SX Gia Hưng	50.000.000	
Công ty TNHH TM XD Long Phước	1.500.000	
Công ty CP PISICO Hà Thanh	-	78.062.000
Cộng	423.468.597	6.627.689.603

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại ngày 30/06/2019	
				Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT bán hàng nội địa	-	779.705.312	779.705.312	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.513.622.203	2.513.622.203	-	-
Thuế thu nhập DN	1.239.595.967	577.212.386	1.734.283.878	82.524.475	-
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Thuế nhà đất, thuê đất	-	267.696.902	267.696.902	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	7.249.998	209.388.913	152.359.410	64.279.501	-
Thuế khác	-	109.400.000	109.400.000	-	-
Cộng	1.246.845.965	4.463.025.716	5.563.067.705	146.803.976	-

17. Chi phí phải trả

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
a. Ngắn hạn	1.518.831.419	587.126.555
Lãi vay phải trả	26.986.960	71.284.337
Phí kiểm toán BCTC tổng hợp và hợp nhất	-	192.000.000
Các khoản chi khác	415.755.759	179.903.018
Tiền ăn ca	37.012.500	143.939.200
Chi phí khai thác rừng thương mại	1.039.076.200	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	1.518.831.419	587.126.555

18. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
a. Ngắn hạn	6.932.963.419	2.026.379.408
Kinh phí công đoàn	622.260.485	666.710.803
Bảo hiểm xã hội	315.936.099	-
Cty TNHH Trồng Rừng QN	595.040.000	-
Tiền cọc thuê Văn phòng	134.000.000	-
Giá trị bảo hành các hạng mục XD CB	10.000.000	27.808.000
Cty TNHH MTV HR PISICO	3.900.000.000	-
Công ty CP TM ĐT&PT Miền Núi	113.784.055	113.784.055
Phải trả công đoàn TCTy	301.950.645	370.656.422
Tiền ốm đau, thai sản (Có 1388)	81.119.400	39.673.200
Công ty Cổ phần thực phẩm XK Bình Định	712.971.000	712.971.000
Các khoản phải trả khác	145.901.735	94.775.928
Cộng	6.932.963.419	2.026.379.408



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**19. Doanh thu chưa thực hiện**

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
a. Ngắn hạn	1.689.836.597	2.771.269.807
Cho thuê Văn phòng làm việc	397.500.000	157.500.000
Cho thuê cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp	1.292.336.597	2.613.769.807
b. Dài hạn	67.456.797.714	60.993.222.670
Cho thuê cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp	67.456.797.714	60.993.222.670
Số dư tại ngày 30/06/2019	69.146.634.311	63.764.492.477

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ Khen thưởng	Quỹ Phúc lợi	Quỹ thưởng Ban QLĐH	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2019	1.032.655.393	1.061.345.081	-	2.094.000.474
Tăng trong năm	710.403.288	472.208.859	240.000.000	1.422.612.147
- Trích trong năm	708.313.288	472.208.859	240.000.000	1.420.522.147
- Thu khác trong năm	2.090.000	-	-	2.090.000
Giảm trong năm	407.128.000	702.201.935	240.000.000	1.349.329.935
- Chi trong năm	407.128.000	702.201.935	240.000.000	1.349.329.935
Tại ngày 30/06/2019	1.335.930.681	831.352.005	-	2.167.282.686

21. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2018	275.000.000.000	11.397.496.193	15.237.045.974	301.634.542.167
Lợi nhuận 2018	-	-	33.729.204.204	33.729.204.204
Chia cổ tức	-	-	(22.000.000.000)	(22.000.000.000)
Trích Quỹ ĐTP	-	-	-	-
Quỹ khen thưởng	-	-	(1.463.089.262)	(1.463.089.262)
Quỹ phúc lợi	-	-	(975.392.841)	(975.392.841)
Quỹ thưởng BĐH	-	-	(240.000.000)	(240.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	275.000.000.000	11.397.496.193	24.287.768.075	310.685.264.268
Tại ngày 01/01/2019	275.000.000.000	11.397.496.193	24.287.768.075	310.685.264.268
Lợi nhuận Q1+2/2019	-	-	6.903.780.855	6.903.780.855
Chia cổ tức	-	-	(22.825.000.000)	(22.825.000.000)
Trích Quỹ ĐTP	-	-	-	-
Quỹ khen thưởng	-	-	(708.313.288)	(708.313.288)
Quỹ phúc lợi	-	-	(472.208.859)	(472.208.859)
Quỹ thưởng BĐH	-	-	(240.000.000)	(240.000.000)
Tại ngày 30/06/2019	275.000.000.000	11.397.496.193	6.946.026.783	293.343.522.976



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Cổ đông				
Các cổ đông khác	3,17	8.730.000.000	3,17	8.730.000.000
Công ty TNHH TM Ánh Vy	96,83	266.270.000.000	96,83	266.270.000.000
Cộng	-	275.000.000.000	-	275.000.000.000

Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.500.000	27.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán:

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
a. Tài sản thuê ngoài	-	-
b. Tài sản nhận giữ hộ	-	-
c. Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	652,98	313.419,88
EURO	331,51	349,66
d. Nợ khó đòi đã xử lý	5.623.669.639	5.623.669.639
Công ty CP XNK Bình Định (tại Văn phòng)	3.794.772.973	3.794.772.973
Cty CP CBLIS Hưng Phú (tại Chi nhánh Tp.HCM)	1.828.896.666	1.828.896.666

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	Từ 01/01/2019 -> 30/06/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/06/2018
Tổng doanh thu	230.498.507.684	228.262.102.403
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	230.498.507.684	228.262.102.403
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	175.655.238.309	167.488.650.210
Doanh thu cung cấp dịch vụ	52.986.641.903	58.926.917.033
Doanh thu cho thuê và dịch vụ hạ tầng khu công nghiệp	1.856.627.472	1.846.535.160

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2019 -> 30/06/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/06/2018
Giá vốn của thành phẩm và hàng hóa	162.007.074.230	144.764.627.991
Giá vốn cung cấp dịch vụ	46.232.601.337	51.970.536.812
Giá vốn cho thuê và dịch vụ hạ tầng khu công nghiệp	1.034.885.057	1.322.313.044
Cộng	209.274.560.624	198.057.477.847

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 -> 30/06/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/06/2018
Lãi tiền gửi Ngân hàng	6.491.355	91.010.057
Thu lãi ứng vốn và chậm thanh toán	-	314.168.823
Cổ tức và lợi nhuận được chia	4.632.742.000	7.709.250.900
Lãi chênh lệch tỷ giá	638.111.789	606.454.154
Cộng	5.277.345.144	8.720.883.934

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 -> 30/06/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/06/2018
Chi phí lãi vay	1.927.033.687	1.104.323.120
Chênh lệch tỷ giá	270.909.381	165.700.447
Chi phí đầu tư ngoài DN + tài chính khác	733.098.509	485.977.984
Cộng	2.931.041.577	1.756.001.551

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2019 -> 30/06/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/06/2018
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	2.875.766.509	7.010.851.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.226.801.499	2.664.214.447
Chi phí khác	4.741.739.246	2.911.084.274
Cộng	8.844.307.254	12.586.150.288

6. Chi phí quản lý

	Từ 01/01/2019 -> 30/06/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/06/2018
Chi phí nhân viên	1.854.344.860	1.807.383.371
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	427.551.282	218.409.201
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.200.869.183	1.184.177.714
Chi phí dự phòng	506.015.661	756.864.547
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.450.972.583	1.314.825.543
Chi phí khác	1.836.511.087	6.429.953.419
Cộng	7.276.264.656	11.711.613.795



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2019 -> 30/06/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/06/2018
Lãi từ thanh lý TSCĐ	-	241.839.145
Thu nhập khác	31.333.942	185.587.410
Cộng	31.333.942	427.426.555

8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2019 -> 30/06/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/06/2018
Các khoản chi khác	19.418	4.877.486
Cộng	19.418	4.877.486

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2019 -> 30/06/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/06/2018
Tổng lợi nhuận trước thuế	7.480.993.241	13.294.291.925
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	826.097.927	763.206.470
- CP Khấu hao TSCĐ ô tô trên 1,6 tỷ	60.610.000	60.610.000
- Chi phí khác	765.487.927	702.596.470
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	5.421.029.236	7.709.250.900
- Lợi nhuận đầu tư ngoài doanh nghiệp	4.632.742.000	7.709.250.900
- Chi phí khác	788.287.236	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.886.061.932	6.348.247.495
- Thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%	577.212.386	1.269.649.499
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	577.212.386	1.269.649.499

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2019 -> 30/06/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/06/2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.546.695.843	47.650.612.898
Chi phí nhân công	14.627.604.711	22.662.324.779
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.006.473.201	3.233.690.193
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.287.932.909	46.562.147.367
Chi phí khác bằng tiền	14.040.020.705	15.866.713.234
Cộng	83.508.727.369	135.975.488.471

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Khấu hao tài sản cố định

	Từ 01/01/2019 -> 30/06/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/06/2018
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	2.497.036.887	2.600.918.774
Khấu hao tài sản cố định vô hình	161.070.144	161.070.144
Khấu hao bất động sản	348.366.170	471.701.275
Cộng	3.006.473.201	3.233.690.193

2. Các khoản dự phòng

	Từ 01/01/2019 -> 30/06/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/06/2018
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	733.098.509	485.977.984
Dự phòng phải thu khó đòi	506.015.661	756.864.547
Cộng	1.239.114.170	1.242.842.531

3. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư

	Từ 01/01/2019 -> 30/06/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/06/2018
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.491.355	91.010.057
Lãi tiền cho vay vốn, chậm thanh toán	-	314.168.823
Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư ra ngoài doanh nghiệp	4.632.742.000	7.709.250.900
Thu thanh lý tài sản	-	241.839.145
Cộng	4.639.233.355	8.356.268.925

4. Tiền thu từ đi vay

	Từ 01/01/2019 -> 30/06/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/06/2018
Tiền vay ngân hàng	78.905.611.049	153.479.424.092
Cộng	78.905.611.049	153.479.424.092

5. Tiền chi trả nợ gốc vay

	Từ 01/01/2019 -> 30/06/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/06/2018
Tiền vay ngân hàng	122.164.590.774	206.053.585.977
Cộng	122.164.590.774	206.053.585.977

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên có liên quan

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Từ 01/01/2019 -> 30/06/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 -> 30/06/2018</u>
a. Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn (Công ty con)	-	-
Thu tiền lợi nhuận được chia	-	1.500.000.000
Doanh thu cho thuê văn phòng (chưa VAT)	480.000.000	192.000.000
b. Công ty CP DV PT Hạ tầng PBC(Công ty con)	-	-
Cổ tức được chia	-	531.250.000
c. Công ty Cổ phần Kinh doanh Công Nông nghiệp Bình Định (công ty liên kết)	-	-
Phải thu tiền Ứng vốn	12.380.000.000	12.380.000.000
d. Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn (công ty con)	-	-
Mua hàng	60.309.746.215	31.150.329.300
Phải trả	-	3.265.362.230
e. Công ty Cổ phần Chế biến gỗ nội thất Pisico (công ty liên kết)	-	-
Bán hàng	2.933.796.590	774.294.098
Phải Thu	1.266.477.737	314.294.098
Thu tiền cổ tức được chia	2.100.700.000	2.940.980.000
f. Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An (công ty liên kết)	-	-
Mua hàng	-	370.563.200
Thu tiền cổ tức được chia	825.792.000	1.266.214.400
g. Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh (công ty liên kết)	-	-
Bán hàng	217.399.000	-
Phải thu tiền cho thuê CSHT và mua hàng hóa	359.075.898	856.978.295
Thu lãi tiền ứng trước	-	93.347.222
Mua hàng	58.453.620.510	17.183.638.110
Phải trả	-	1.902.001.921
Cho thuê CSHT và dịch vụ đi kèm	397.398.089	390.048.361
h. Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO (công ty liên kết)		
Thu lại tiền cho Ứng vốn	-	800.000.000
Thu lãi ứng vốn	-	39.760.932



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ quyết toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Từ 01/01/2019 -> 30/06/2019	Từ 01/01/2018 -> 30/06/2018
i. Công ty TNHH TM Ánh Việt (Công ty cùng chủ sở hữu)		
Doanh thu cho thuê Văn phòng	42.499.900	38.289.242
Phải thu tiền cho thuê văn phòng	17.171.394	23.816.575
Phải thu (Ứng trước tiền mua hàng)	17.000.000.000	-
j. Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm (Công ty cùng chủ sở hữu)		
Phải thu (Ứng trước tiền mua hàng)	43.000.000.000	-
k. Công ty TNHH TM Ánh Vy (Công ty mẹ)		
Doanh thu cho thuê Văn phòng	42.499.900	38.289.242
Phải thu tiền cho thuê văn phòng	17.171.394	9.006.630
Doanh thu bán gỗ xẻ	557.617.500	
Phải thu tiền bán gỗ xẻ	1.452.090.750	
l. Công ty TNHH MTV HR PISICO		
Góp vốn điều lệ	5.000.000.000	

2. Thông tin khác

Bình Định, ngày 24 tháng 07 năm 2019



Nguyễn Ngọc Minh
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh
Tổng giám đốc